

DANH SÁCH NNB/NCLQ

STT	Mã CK	Họ và tên	Chức vụ tại công ty	Mối quan hệ đối với người nội bộ	Loại hình Giấy NSH	Giấy NSH	Ngày cấp
Number (10)	Varchar (10)	Varchar(50)	Varchar(100)	Varchar(100)	Integer (CCCD; Hộ chiếu; ĐKKD)	Varchar(30)	Date (dd/mm/yyyy)
1	LDW	Phan Đình Tân	Chủ tịch HĐQT	Người nội bộ	CCCD	52054005853	22/12/2021
1.1	LDW	Nguyễn Thị Thu Hà		Phan Đình Tân: Vợ	CCCD	51158004216	10/07/2022
1.2	LDW	Phan Thị Thu hằng		Phan Đình Tân: con	CCCD	52184006722	10/07/2021
1.3	LDW	Phan Trà Mi		Phan Đình Tân: con	CCCD	79091017856	27/12/2021
1.4	LDW	Phan Đình Trí		Phan Đình Tân: con	CCCD	79097000156	11/02/2022
1.5	LDW	Phan Quốc Minh		Phan Đình Tân: Anh	CCCD	52051000804	29/04/2021
1.6	LDW	Phan Thị Bé		Phan Đình Tân: Chị	CCCD	5205100080	30/11/2022
1.7	LDW	Công ty TNHH Hoàn cầu		Công ty TNHH Hoàn cầu: Chủ tịch HĐQT kiêm TGD - cổ phần nắm giữ: 99%	ĐKKD	301448451	
1.8	LDW	Trường Đại học Quang Trung		Trường Đại học Quang Trung: Chủ tịch Hội đồng trường - cổ phần nắm giữ: 4,5%	ĐKKD	4100621745	
1.9	LDW	Công ty CP cấp thoát nước Bến Tre		Công ty CP cấp thoát nước Bến Tre: thành viên HĐQT	ĐKKD	1300107725	
1.10	LDW	Công ty CP cấp thoát nước Bình Định		Công ty CP cấp thoát nước Bình Định: thành viên HĐQT	ĐKKD	4100258955	
1.11	LDW	Công ty CP Sao sáng		Công ty CP Sao sáng: Giám đốc	ĐKKD		
1.12	LDW	Ngân hàng TMCP Nam Á		Cổ vấn HĐQT - cổ phần nắm giữ: 1.89%	ĐKKD	200253985	
2	LDW	Nguyễn Hùng Cường	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc; Người phụ trách công bố thông tin	Người nội bộ	CMND	250272091	12/7/2009
2.1	LDW	Phạm Thị Thanh		Nguyễn Hùng Cường: vợ	CCCD	68165000686	25/04/2021
2.2	LDW	Nguyễn Văn Long		Nguyễn Hùng Cường: cha	CCCD	40026002282	28/6/2021
2.3	LDW	Nguyễn Minh Quân		Nguyễn Hùng Cường: con	CCCD	68091006138	12/08/2021
2.4	LDW	Nguyễn Nhật Quang		Nguyễn Hùng Cường: con	CCCD	68095001644	01/5/2021
2.5	LDW	Nguyễn Hùng Sơn		Nguyễn Hùng Cường: anh	CCCD	68061003929	06/09/2021
2.6	LDW	Nguyễn Thị Thắm		Nguyễn Hùng Cường: chị	CCCD	58153000007	03/01/2022
2.7	LDW	Nguyễn Thị Lam Giang		Nguyễn Hùng Cường: chị	CCCD	68156003758	11/08/2022
2.8	LDW	Nguyễn Thị Thanh Hà		Nguyễn Hùng Cường: chị	CCCD	68160003371	11/08/2021
2.9	LDW	Nguyễn Thị Thanh Thủy		Nguyễn Hùng Cường: chị	CCCD	68163000677	27/4/2021
2.10	LDW	Trần Đình Lãnh		Nguyễn Hùng Cường: anh rể	CCCD	5104900038	22/12/2021

2.11	LDW	Trần Mạnh Cường		Nguyễn Hùng Cường: anh rể	CCCD	68058003242	20/08/2022
2.12	LDW	Nguyễn Vũ Hoàng Anh		Nguyễn Hùng Cường: con dâu	CCCD	68191005281	28/06/2021
2.13	LDW	Phạm Lê Quỳnh Nhi		Nguyễn Hùng Cường: con dâu	CCCD	68195013268	12/08/2021
3	LDW	Nguyễn Văn Dũng	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	Người nội bộ	CMND	250291832	23/09/2015
3.1	LDW	Phạm Tổ Anh		Nguyễn Văn Dũng: vợ	CMND	250308482	03/01/2018
3.2	LDW	Phan Thị Hương		Nguyễn Văn Dũng: mẹ ruột	CMND	250211624	14/7/2018
3.3	LDW	Phan Thị Ba		Nguyễn Văn Dũng: mẹ vợ	CMND	250034182	25/01/2011
3.4	LDW	Nguyễn Thị Bé Anh		Nguyễn Văn Dũng: em	CMND	250566720	02/06/2019
3.5	LDW	Nguyễn Thị Bé Oanh		Nguyễn Văn Dũng: em	CMND	25066720	1/8/2012
3.6	LDW	Nguyễn Văn Huy		Nguyễn Văn Dũng: em	CMND	250610790	05/04/2012
3.7	LDW	Nguyễn Thị Bé Bi		Nguyễn Văn Dũng: em	CMND	250739620	2/7/2017
3.8	LDW	Nguyễn Văn Hình		Nguyễn Văn Dũng: em	CMND	250780211	06/02/2015
3.9	LDW	Nguyễn Văn Dốp		Nguyễn Văn Dũng: em	CMND	250629723	05/01/2017
3.1	LDW	Nguyễn Vũ Kỳ Minh		Nguyễn Văn Dũng: em rể	CMND	259611927	07/02/2011
3.11	LDW	Nguyễn Văn Quang		Nguyễn Văn Dũng: em rể	CMND	252621790	07/02/2015
3.12	LDW	Vũ Thị Vân Anh		Nguyễn Văn Dũng: em dâu	CMND	263820719	06/02/2016
3.13	LDW	Phan Thanh Thiết		Nguyễn Văn Dũng: em dâu	CMND	290621834	07/02/2017
3.14	LDW	Nguyễn Ngọc Thảo Nguyên		Nguyễn Văn Dũng: con	CMND	251169390	20/07/2015
3.15	LDW	Nguyễn Ngọc Bảo Trân		Nguyễn Văn Dũng: con	CCCD	68306001079	16/04/2021
4	LDW	Trần Quốc Hùng	Thành viên HĐQT	Người nội bộ	CCCD	1072056868	26/02/2022
4.1	LDW	Trần Xuân Anh		Trần Quốc Hùng: cha ruột (mất)	CCCD	52033003621	10/08/2023
4.2	LDW	Nguyễn Thị Kim Hoa		Trần Quốc Hùng: mẹ ruột	CCCD	79144006159	09/07/2021
4.3	LDW	Trần Văn Thành		Trần Quốc Hùng: cha vợ (mất)			
4.4	LDW	Ao Thị Nhung		Trần Quốc Hùng: mẹ vợ (mất)			
4.5	LDW	Trần Thị Vân Khánh		Trần Quốc Hùng: em	CCCD	68180000220	07/02/2020
4.6	LDW	Trần Thị Thu Trang		Trần Quốc Hùng: vợ	CMND	250247633	08/03/2018
4.7	LDW	Trần Khánh Linh		Trần Quốc Hùng: con	CCCD	250854377	28/05/2008
4.8	LDW	Trần Mỹ Linh		Trần Quốc Hùng: con	CCCD	68302016868	07/09/2022
4.9	LDW	Công ty cổ phần Bảo Đại Đà Lạt		thành viên HĐQT-Tổng giám đốc	ĐKKD	5801315988	
4.1	LDW	Công ty cổ phần Hoàng Gia Đà Lạt		Thành viên HĐQT			
5	LDW	Nguyễn Thị KimThúy	Thành viên HĐQT (được ĐHCĐ bầu 4/2026)	Người nội bộ	CCCD	68190009418	02/05/2022
5.1	LDW	Nguyễn Văn Vượng		Nguyễn Thị Kim Thúy - Cha ruột	CCCD	001068037355	09/01/2022
5.2	LDW	Lê Thị Thẩm		Nguyễn Thị Kim Thúy - Mẹ ruột	CCCD	001169035572	09/01/2022
5.3	LDW	Phan Dũng		Nguyễn Thị Kim Thúy - Ba Chồng	CCCD	058049002834	20/08/2021
5.4	LDW	Phạm Thị Nuôi		Nguyễn Thị Kim Thúy - Mẹ Chồng	CCCD	058151000338	01/05/2021
5.5	LDW	Phan Lâm		Nguyễn Thị Kim Thúy - Chồng	CCCD	058088000020	18/10/2022
5.6	LDW	Phan Nguyên		Nguyễn Thị Kim Thúy - Con			
5.7	LDW	Phan Minh An		Nguyễn Thị Kim Thúy - Con			
5.8	LDW	Nguyễn Văn Vinh		Nguyễn Thị Kim Thúy - Em Trai	CCCD	068092011876	09/05/2021
5.9	LDW	Nguyễn Văn Quang		Nguyễn Thị Kim Thúy - Em Trai	CCCD	068097009691	09/01/2022

6	LDW	Nguyễn Thị Mỹ Vân	Trưởng BKS	Người nội bộ	CCCD	68181001043	19/04/2021
6.1	LDW	Lê Thị Nguyên		Nguyễn Thị Mỹ Vân: mẹ	CCCD	49148002806	12/08/2021
6.2	LDW	Nguyễn Thị Hạnh		Nguyễn Thị Mỹ Vân: mẹ chồng	CCCD	45157000303	03/04/2021
6.3	LDW	Phan Trung Sơn		Nguyễn Thị Mỹ Vân: chồng	CCCD	45077008064	12/11/2021
6.4	LDW	Nguyễn Hoàng Việt		Nguyễn Thị Mỹ Vân: anh	CCCD	68077005166	12/08/2021
6.5	LDW	Nguyễn Thị Mỹ Dung		Nguyễn Thị Mỹ Vân: chị	CMND	68171004680	08/12/2021
6.6	LDW	Nguyễn Thị Mỹ Phương		Nguyễn Thị Mỹ Vân: em	CMND	68183009052	08/02/2022
6.7	LDW	Bùi Văn Linh		Nguyễn Thị Mỹ Vân: em rể	CCCD	68082002490	15/05/2022
6.8	LDW	Nguyễn Thị Thơ		Nguyễn Thị Mỹ Vân: chị dâu	CCCD	38181031363	12/08/2021
6.9	LDW	Phan Thị Hồng Hải		Nguyễn Thị Mỹ Vân: em dâu	CCCD	68181005649	12/08/2021
6.1	LDW	Phan Thị Hồng Hà		Nguyễn Thị Mỹ Vân: em dâu	CCCD	45178006356	12/08/2021
7	LDW	Nguyễn Thy Phương	Thành viên BKS	Người nội bộ	CCCD	68189000353	22/12/2021
7.1	LDW	Nguyễn Văn Hùng		Nguyễn Thy Phương: cha	CCCD	38064007267	
7.2	LDW	Trần thị Loan		Nguyễn Thy Phương: mẹ	CCCD	1164028326	
7.3	LDW	Nguyễn Ngọc Phương Trang		Nguyễn Thy Phương: em	CCCD	68197002039	
7.4	LDW	Hà Học Duy		Nguyễn Thy Phương: chồng	CCCD	68089000203	
7.5	LDW	Hà Trúc Anh		Nguyễn Thy Phương: con	CCCD	79319036336	
7.6	LDW	Hà Học Bình An		Nguyễn Thy Phương: con	CCCD	79221018382	
7.7	LDW	Công ty CP du lịch Việt nam Hà Nội		Nguyễn Thy Phương: Thành viên HĐQT			
7.8	LDW	Công ty CP chứng khoán Bảo Minh		Nguyễn Thy Phương: Trưởng BKS			
7.9	LDW	Công ty CP Cấp Thoát Nước Bến Tre		Nguyễn Thy Phương: Thành viên HĐQT			
7.10	LDW	Công ty TNHH Học viện phát triển Golf Việt Nam		Nguyễn Thy Phương: TGD			
8	LDW	Võ Văn Đạt	Thành viên BKS (được ĐHCĐ bầu 4/2026)	Người nội bộ	CCCD	48088007248	09/05/2021
8.1	LDW	Võ Văn Năm		Võ Văn Đạt: cha		49054012919	
8.2	LDW	Ngô Thị Cách		Võ Văn Đạt: mẹ		48157004559	
8.3	LDW	Văn Đức Hồng		Võ Văn Đạt: cha vợ		49054012039	16/09/2021
8.4	LDW	Trần Thị Hạnh		Võ Văn Đạt: mẹ vợ		49158012278	16/09/2021
8.5	LDW	Văn Thị Hà		Võ Văn Đạt: vợ		49192016538	
8.6	LDW	Võ Văn Tâm		Võ Văn Đạt: con		48220005252	
8.7	LDW	Võ Thị Thanh Bình		Võ Văn Đạt: Chị		48182002429	
9	LDW	Bùi Hoàng Trường Vĩ	Kế toán trưởng	Người nội bộ	CCCD	68082006554	28/06/2021
9.1	LDW	Bùi Diệp		Bùi Hoàng Trường Vĩ: cha (mất)			
9.2	LDW	Hoàng Thị Thảo		Bùi Hoàng Trường Vĩ: mẹ	CCCD	68155004110	03/07/2023
9.3	LDW	Bùi Hoàng Vũ		Bùi Hoàng Trường Vĩ: anh	CCCD	68078006046	26/08/2022
9.4	LDW	Bùi Hoàng Thoại Vy		Bùi Hoàng Trường Vĩ: chị	CCCD	68177004609	05/03/2022
9.5	LDW	Ron Doak		Bùi Hoàng Trường Vĩ: anh rể			
10	LDW	Nguyễn Phi Hoàng	Người phụ trách quản trị công ty kiêm Thư ký công ty	Người nội bộ	CCCD	68060002651	28/06/2021

10.1	LDW	Nguyễn Thị Thiên Nga		Nguyễn Phi Hoàng: vợ	CCCD	68162002564	28/06/2021
10.2	LDW	Nguyễn cần		Nguyễn Phi Hoàng: cha (mất)	CCCD		
10.3	LDW	Đông Thị Chu		Nguyễn Phi Hoàng: mẹ (mất)	CCCD		
10.4	LDW	Nguyễn Trọng Vinh		Nguyễn Phi Hoàng: cha vợ (mất)	CCCD		
10.5	LDW	Nguyễn Thị Lân		Nguyễn Phi Hoàng: mẹ vợ (mất)	CCCD		
10.6	LDW	Nguyễn Thị Ngọc Trâm		Nguyễn Phi Hoàng: con	CCCD	6813005119	12/01/2022
10.7	LDW	Nguyễn Văn Ân		Nguyễn Phi Hoàng: anh (mất)			
10.8	LDW	Nguyễn Phi Phụng		Nguyễn Phi Hoàng: anh (mất)			
10.9	LDW	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt		Nguyễn Phi Hoàng: chị			
10.1	LDW	Nguyễn Thị Ánh Hoa		Nguyễn Phi Hoàng: chị	CCCD	68155003448	19/04/2023
10.11	LDW	Nguyễn Thị Ánh Hồng		Nguyễn Phi Hoàng: em	CMND	25034016	20/1/2021
10.12	LDW	Nguyễn Phi Hồ		Nguyễn Phi Hoàng: em	CCCD	68064000606	25/04/2021
10.13	LDW	Nguyễn Phi Lâm		Nguyễn Phi Hoàng: em	CMND	250209240	19/11/2008
10.14	LDW	Nguyễn Thị Ánh Hường		Nguyễn Phi Hoàng: em	CCCD	68166002264	15/05/2022
10.15	LDW	Nguyễn Phi Vân		Nguyễn Phi Hoàng: em	CCCD	68070000843	27/04/2021
10.16	LDW	Nguyễn Thị Ánh Hằng		Nguyễn Phi Hoàng: em			
10.17	LDW	Nguyễn Trung Hưng		Nguyễn Phi Hoàng: anh rể (mất 2025)	CCCD	52050004171	01/08/2021
10.18	LDW	Nguyễn Đức Thi		Nguyễn Phi Hoàng: anh rể			
10.19	LDW	Nguyễn Văn Phước		Nguyễn Phi Hoàng: em rể	CCCD	46059008870	25/08/2021
10.20	LDW	Trần Đình Phúc		Nguyễn Phi Hoàng: em rể	CCCD	68064003749	28/06/2021
10.21	LDW	Nguyễn Thị Liên Hoa		Nguyễn Phi Hoàng: em dâu	CCCD	68169000874	27/04/2021
10.22	LDW	Trần Thị Kim		Nguyễn Phi Hoàng: em dâu	CCCD	250905035	20/08/2010
11	LDW	Đỗ Văn Hạ	Thành viên HĐQT (được ĐHĐCD miễn nhiệm 4/2026)				
12	LDW	Phạm Văn Khoa	Kiểm soát viên (được ĐHĐCD miễn nhiệm 4/2026)				

Người lập biểu



Nguyễn Phi Hoàng

người đại diện theo pháp luật



Phan Đình Tân

PHỤ LỤC I: DANH SÁCH NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TY

(Ban hành kèm theo Báo cáo 02/2026/BC-HĐQT ngày 30/07/2026)

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH			Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty
				Số Giấy NSH*	Ngày cấp	Nơi cấp					
Cổ đông lớn sở hữu từ 10%											
1	Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Mesa,			Số ĐKSH: 100520429	ngày cấp: 24/01/1996 (cấp lần đầu), 08/6/2020 (cấp lần 28)	Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội	20 Bùi Thị Xuân, phường Cửa Nam, Hà Nội.	01/06/2018			Cổ đông chiến lược, tỷ lệ sở hữu 13,62%
2	Công ty CP Cấp thoát nước Thủy Anh			Số ĐKSH: 0313064474,	ngày cấp: 16/8/2014	Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh	lầu 5, tòa nhà Pearl Plaza, số 561a Điện Biên Phủ, Phường Thạnh Mỹ Tây, TPHCM	01/06/2018			Cổ đông chiến lược, tỷ lệ sở hữu 15,86%
3	Công ty cổ phần Golden Stream			Số ĐKSH: 5801291906,	ngày cấp: 16/12/2015	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng	Số 11A Cô Giang, phường Lâm Viên, Lâm Đồng	01/06/2018			Cổ đông chiến lược, tỷ lệ sở hữu 11,42%
4	Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước - Công ty TNHH			Số ĐKSH: 0101992921,	ngày cấp: 11/3/2022	Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội		01/06/2018			Cổ đông nhà nước, tỷ lệ sở hữu 39,99%
Người nội bộ và người có liên quan đến người nội bộ											
1	Phan Đình Tân		Chủ tịch HĐQT	52054005853	22/12/2021	Cục CS QLHC TTXH	27A Bàn Cờ, Phường Bàn Cờ, TP HCM				Người nội bộ
1.1	Nguyễn Thị Thu Hà			51158004216	10/7/2022	nt	nt				Phan Đình Tân: Vợ
1.2	Phan Thị Thu hằng			52184006722	10/07/2021	nt	nt				Phan Đình Tân: con
1.3	Phan Trà Mi			79091017856	27/12/2021	nt	nt				Phan Đình Tân: con
1.4	Phan Đình Trí			79097000156	11/02/2022	nt	nt				Phan Đình Tân: con
1.5	Phan Quốc Minh			52051000804	29/04/2021	Cục CS QLHC TTXH	465/18/60 Nguyễn Văn Công, Phường Hạnh Thông, TP HCM				Phan Đình Tân: Anh
1.6	Phan Thị Bé			5205100080	30/11/2022	Cục CS QLHC TTXH	Phường An Khê, TP Đà Nẵng				Phan Đình Tân: Chị

1.7	Công ty TNHH Hoàn cầu			301448451	lần 01: 01/2/1993 lần 2: 04/12/2018	Sở KH và ĐT thành phố HCM	Tầng 9, Tòa Nhà Nam Á Bank, 201-203 CMT8, Phường Xuân Hòa, TP HCM				Công ty TNHH Hoàn cầu: Chủ tịch HĐTV kiêm TGĐ - cổ phần nắm giữ: 99%
1.8	Trường Đại học Quang Trung			4100621745		Sở KH và ĐT tỉnh Bình Định	327 Đào tấn, phường Quy Nhơn Bắc, tỉnh Gia Lai				Trường Đại học Quang Trung: Chủ tịch Hội đồng trường - cổ phần nắm giữ: 4,5%
1.9	Công ty CP cấp thoát nước Bến Tre			1300107725		Sở KH và ĐT tỉnh Bến Tre	103 Nguyễn Huệ, P. An Hội, tỉnh Vĩnh Long				Công ty CP cấp thoát nước Bến Tre: thành viên HĐQT
1.10	Công ty CP cấp thoát nước Bình Định			4100258955		Sở KH và ĐT tỉnh Bình Định	146 Lý Thái Tổ, phường Quy Nhơn Nam, tỉnh Gia Lai				Công ty CP cấp thoát nước Bình Định: thành viên HĐQT
1.11	Công ty CP Sao sáng					Sở KH và ĐT thành phố HCM	141 Võ Văn Tần, Phường Nhiều Lộc, Tp. Hồ Chí Minh				Công ty CP Sao sáng: Giám đốc
1.12	Ngân hàng TMCP Nam Á			0200253985			Tòa Nhà Nam Á Bank, 201-203 CMT8, Phường Xuân Hòa, TP HCM				Cổ vấn HĐQT - cổ phần nắm giữ: 1.89%
2	Nguyễn Hùng Cường		Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc; Người phụ trách công bố thông tin	250272091	12/7/2009	CA Lâm Đồng	03 Đồng Tâm, Phường Xuân Hương - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng				Người nội bộ
2.1	Phạm Thị Thanh			68165000686	25/04/2021	Cục CS QLHC TTXH	nt				Nguyễn Hùng Cường: vợ
2.2	Nguyễn Văn Long			40026002282	28/6/2021	Cục CS QLHC TTXH	nt				Nguyễn Hùng Cường: cha
2.3	Nguyễn Minh Quân			68091006138	12/08/2021	Cục CS QLHC TTXH	nt				Nguyễn Hùng Cường: con
2.4	Nguyễn Nhật Quang			68095001644	01/5/2021	Cục CS QLHC TTXH	nt				Nguyễn Hùng Cường: con
2.5	Nguyễn Hùng Sơn			68061003929	06/09/2021	Cục CS QL HC về trật tự xã hội	Hẻm 81 Hùng Vương , Phường Lâm Viên - Đà Lạt , tỉnh Lâm Đồng				Nguyễn Hùng Cường: anh
2.6	Nguyễn Thị Thắm			5815300007	03/01/2022	Cục CS QLHC TTXH	KĐT Vinhomes Nguyễn Viễn, phường Long Bình, Tp HCM				Nguyễn Hùng Cường: chị
2.7	Nguyễn Thị Lam Giang			68156003758	11/08/2022	Cục CS QLHC TTXH	03 Đồng Tâm, Phường Xuân Hương Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng				Nguyễn Hùng Cường: chị

2.8	Nguyễn Thị Thanh Hà			68160003371	11/08/2021	Cục CS QLHC TTXH	nt				Nguyễn Hùng Cường: chị
2.9	Nguyễn Thị Thanh Thủy			68163000677	27/4/2021	Cục CS QLHC TTXH	nt				Nguyễn Hùng Cường: chị
2.10	Trần Đình Lãnh			5104900038	22/12/2021	Cục CS QLHC TTXH	KĐT Vinhomes Nguyễn Viễn, phường Long Bình, Tp HCM				Nguyễn Hùng Cường: anh rể
2.11	Trần Mạnh Cường			68058003242	20/08/2022	Cục CS QLHC TTXH	03 Đồng Tâm, Phường Xuân Hương Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng				Nguyễn Hùng Cường: anh rể
2.12	Nguyễn Vũ Hoàng Anh			68191005281	28/06/2021	Cục CS QLHC TTXH	03 Đồng Tâm, Phường Xuân Hương - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng				Nguyễn Hùng Cường: con dâu
2.13	Phạm Lê Quỳnh Nhi			68195013268	12/08/2021	Cục CS QLHC TTXH	03 Đồng Tâm, Phường Xuân Hương - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng				Nguyễn Hùng Cường: con dâu
3	Nguyễn Văn Dũng	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc		250291832	23/09/2015	CA Lâm Đồng	87/9 Nguyễn Trãi, Phường Lâm Viên - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng				Người nội bộ
3.1	Phạm Tổ Anh			250308482	03/01/2018	CA Lâm Đồng	nt				Nguyễn Văn Dũng: vợ
3.2	Phan Thị Hương			250211624	14/7/2018	CA Lâm Đồng	27/10 Yersin, Phường Xuân Hương Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng				Nguyễn Văn Dũng: mẹ ruột
3.3	Phan Thị Ba			250034182	25/01/2011	CA Lâm Đồng	1/2bis Nhà Chung, phường Xuân Hương Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng				Nguyễn Văn Dũng: mẹ vợ
3.4	Nguyễn Thị Bé Anh			250566720	02/06/2019	CA Lâm Đồng	12/8 Đào Duy Từ, Phường Lâm Viên - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng				Nguyễn Văn Dũng: em
3.5	Nguyễn Thị Bé Oanh			25066720	1/8/2012	CA Lâm Đồng	96 Phạm Hồng Thái, Phường Xuân Hương-Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng				Nguyễn Văn Dũng: em
3.6	Nguyễn Văn Huy			250610790	05/04/2012	CA Lâm Đồng	7 Nguyễn An Ninh, Phường Lâm Viên - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng				Nguyễn Văn Dũng: em
3.7	Nguyễn Thị Bé Bi			250739620	2/7/2017	CA Lâm Đồng	27/10 Yersin, Phường Xuân Hương Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng				Nguyễn Văn Dũng: em



3.8	Nguyễn Văn Hinh			250780211	06/02/2015	CA Lâm Đồng	nt				Nguyễn Văn Dũng: em
3.9	Nguyễn Văn Dốp			250629723	05/01/2017	CA Lâm Đồng	nt				Nguyễn Văn Dũng: em
3.10	Nguyễn Vũ Kỳ Minh			259611927	07/02/2011	CA Lâm Đồng	12/8 Đào Duy Từ, Phường Lâm Viên – Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng				Nguyễn Văn Dũng: em rể
3.11	Nguyễn Văn Quang			252621790	07/02/2015	CA Lâm Đồng	96 Phạm Hồng Thái, Phường Xuân Hương-Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng				Nguyễn Văn Dũng: em rể
3.12	Vũ Thị vân Anh			263820719	06/02/2016	CA Lâm Đồng	7 Nguyễn An Ninh, Phường Lâm Viên - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng				Nguyễn Văn Dũng: em dâu
3.13	Phan Thanh Thiết			290621834	07/02/2017	CA Lâm Đồng	27/10 Yersin, Phường Xuân Hương Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng				Nguyễn Văn Dũng: em dâu
3.14	Nguyễn Ngọc Thảo Nguyễn			251169390	20/07/2015	CA Lâm Đồng	87/9 Nguyễn Trãi, Phường Lâm Viên - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng				Nguyễn Văn Dũng: con
3.15	Nguyễn Ngọc Bảo Trân			68306001079	16/04/2021	CA Lâm Đồng	nt				Nguyễn Văn Dũng: con
4	Trần Quốc Hùng		Thành viên HĐQT	1072056868	26/02/2022	Cục CS QLHC TTXH	20B Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Xuân Hương Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng				Người nội bộ
4.1	Trần Xuân Ánh			52033003621	10/08/2023						Trần Quốc Hùng: cha ruột (mất)
4.2	Nguyễn Thị Kim Hoa			79144006159	09/07/2021	cục CS QLHC TTXH	20B Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Xuân Hương Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng				Trần Quốc Hùng: mẹ ruột
4.3	Trần Văn Thành										Trần Quốc Hùng: cha vợ (mất)
4.4	Ao Thị Nhung										Trần Quốc Hùng: mẹ vợ (mất)
4.5	Trần Thị Vân Khánh			68180000220	07/02/2020	Cục CS QLHC TTXH	Thành phố Hồ Chí Minh				Trần Quốc Hùng: em
4.6	Trần Thị Thu Trang			250247633	08/03/2018	CA Lâm Đồng	20B Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Xuân Hương Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng				Trần Quốc Hùng: vợ
4.7	Trần Khánh Linh			250854377	28/05/2008	CA Lâm Đồng	nt				Trần Quốc Hùng: con
4.8	Trần Mỹ Linh			068302016868	07/09/2022	Cục CS QLHC TTXH	nt				Trần Quốc Hùng: con

4.9	Công ty cổ phần Bảo Đại Đà Lạt						Phường Xuân Hương - Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng				thành viên HĐQT-Tổng giám đốc
4.10	Công ty cổ phần Hoàng Gia Đà Lạt						nt				thành viên HĐQT
5	Nguyễn Thị Kim Thúy		Thành viên HĐQT	68190009418	02/05/2022	Cục CS QLHC TTXH	45/34D Nguyễn Hồng, phường Bình Lợi Trung, TP.Hồ Chí Minh	24/04/2026			Người nội bộ
5.1	Nguyễn Văn Vượng			001068037355	09/01/2022	nt					Nguyễn Thị Kim Thúy - Cha ruột
5.2	Lê Thị Thắm			001169035572	09/01/2022	nt					Nguyễn Thị Kim Thúy - Mẹ ruột
5.3	Phan Dũng			058049002834	20/08/2021	nt					Nguyễn Thị Kim Thúy - Ba Chồng
5.4	Phạm Thị Núi			058151000338	01/05/2021	nt					Nguyễn Thị Kim Thúy - Mẹ Chồng
5.5	Phan Lâm			058088000020	18/10/2022	nt	45/34D Nguyễn Hồng, phường Bình Lợi Trung, TP.Hồ Chí Minh				Nguyễn Thị Kim Thúy - Chồng
5.6	Phan Nguyên						nt				Nguyễn Thị Kim Thúy - Con
5.7	Phan Minh An						nt				Nguyễn Thị Kim Thúy - Con
5.8	Nguyễn Văn Vinh			068092011876	09/05/2021	nt					Nguyễn Thị Kim Thúy - Em Trai
5.9	Nguyễn Văn Quang			068097009691	09/01/2022	nt					Nguyễn Thị Kim Thúy - Em Trai
6	Nguyễn Thị Mỹ Vân		Trưởng BKS	68181001043	19/04/2021	Cục CS QLHC TTXH	66 Nguyễn Công Trứ, Phường Lâm Viên - Đà Lạt, Lâm Đồng.				Người nội bộ
6.1	Lê Thị Nguyên			049148002806	12/08/2021		31 Phan Đình Phùng, Phường Xuân Hương - Đà Lạt, Lâm Đồng.				Nguyễn Thị Mỹ Vân: mẹ
6.2	Nguyễn Thị Hạnh			45157000303	03/04/2021	Cục CS QLHC TTXH	Tổ 12, Lộc Thắng, xã Bảo Lâm 1, tỉnh Lâm Đồng				Nguyễn Thị Mỹ Vân: mẹ chồng
6.3	Phan Trung Sơn			45077008064	12/11/2021	Cục CS QLHC TTXH	66 Nguyễn Công Trứ, Phường Lâm Viên - Đà Lạt, Lâm Đồng.				Nguyễn Thị Mỹ Vân: chồng
6.4	Nguyễn Hoàng Việt			68077005166	12/08/2021	Cục CS QLHC TTXH	31 Phan Đình Phùng, Phường Xuân Hương - Đà Lạt, Lâm Đồng.				Nguyễn Thị Mỹ Vân: anh
6.5	Nguyễn Thị Mỹ Dung			68171004680	08/12/2021	Cục CS QLHC TTXH	124 Phan Đình Phùng, phường Xuân Hương Đà Lạt, Lâm Đồng.				Nguyễn Thị Mỹ Vân: chị
6.6	Nguyễn Thị Mỹ Phương			68183009052	08/02/2022	Cục CS QLHC TTXH	31 Phan Đình Phùng, Phường Xuân Hương Đà Lạt, Lâm Đồng.				Nguyễn Thị Mỹ Vân: em
6.7	Bùi Văn Linh			68082002490	15/05/2022	Cục CS QLHC TTXH	47, Nguyễn Văn Trỗi, phường Xuân Hương Đà Lạt, Lâm Đồng				Nguyễn Thị Mỹ Vân: em rể
6.8	Nguyễn Thị Thơ			38181031363	12/08/2021	Cục CS QLHC TTXH	31 Phan Đình Phùng, phường Xuân Hương Đà Lạt, Lâm Đồng.				Nguyễn Thị Mỹ Vân: chị dâu

0174
GTY
HÀNG
JAT N
ĐÓN
AM F

6.9	Phan Thị Hồng Hải			68181005649	12/08/2021	Cục CS QLHC TTXH	Tổ 12, Lộc Thắng, xã Bảo Lâm 1, Lâm Đồng				Nguyễn Thị Mỹ Vân: em dâu
6.10	Phan Thị Hồng Hà			45178006356	12/08/2021	Cục CS QLHC TTXH	Đường 1/5, Tổ 7, Phường B'lao, Lâm Đồng				Nguyễn Thị Mỹ Vân: em dâu
7	Nguyễn Thy Phương		thành viên BKS	068189000353	22/12/2021	Cục CS QLHC TTXH	Căn hộ WT1-06 Cao ốc Thương Mại và Căn hộ Số 71/3 Nguyễn Văn Thương, Phường Thanh Mỹ Tây, TP.Hồ Chí Minh				Người nội bộ
7.1	Nguyễn Văn Hùng			038064007267		Cục CS QLHC TTXH	Bái Xuân, Vĩnh Phúc, Vĩnh Lộc, Thanh Hóa				Nguyễn Thy Phương: cha
7.2	Trần thị Loan			001164028326		Cục CS QLHC TTXH	Căn hộ WT1-06 Cao ốc Thương Mại và Căn hộ Số 71/3 Nguyễn Văn Thương, Phường Thanh Mỹ Tây, TP.Hồ Chí Minh				Nguyễn Thy Phương: mẹ
7.3	Nguyễn Ngọc Phương Trang			68197002039	Cục CS QLHC TTXH	Cục CS QLHC TTXH	Căn hộ WT1-06 Cao ốc Thương Mại và Căn hộ Số 71/3 Nguyễn Văn Thương, Phường Thanh Mỹ Tây, TP.Hồ Chí Minh				Nguyễn Thy Phương: em
7.4	Hà Học Duy			68089000203		Cục CS QLHC TTXH	331/19 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, tp Hồ Chí Minh				Nguyễn Thy Phương: chồng
7.5	Hà Trúc Anh			79319036336		Cục CS QLHC TTXH	Căn hộ WT1-06 Cao ốc Thương Mại và Căn hộ Số 71/3 Nguyễn Văn Thương, Phường Thanh Mỹ Tây, TP.Hồ Chí Minh				Nguyễn Thy Phương: con
7.6	Hà Học Bình An			79221018382		Cục CS QLHC TTXH	Căn hộ WT1-06 Cao ốc Thương Mại và Căn hộ Số 71/3 Nguyễn Văn Thương, Phường Thanh Mỹ Tây, TP.Hồ Chí Minh				Nguyễn Thy Phương: con
7.7	Công ty CP du lịch Việt nam Hà Nội						30A phố Lý Thường Kiệt, phường Cửa Nam, TP. Hà Nội				Nguyễn Thy Phương: Thành viên HĐQT
7.8	Công ty CP chứng khoán Bảo Minh						34a Phạm Ngọc Thạch, Phường Xuân Hòa, Hồ Chí Minh				Nguyễn Thy Phương: Trưởng BKS
7.9	Công ty CP Cấp Thoát Nước Bến Tre						103 Nguyễn Huệ, phường An Hội, tỉnh Vĩnh Long				Nguyễn Thy Phương: Thành viên HĐQT

7.10	Công ty TNHH Học viện phát triển Golf Việt Nam						17 Đường 13, Khu nhà ở Hiệp Bình Chánh, Phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh				Nguyễn Thy Phương: TGD
8	Võ Văn Đạt		KSV	048088007248	19/08/2022	Cục CS QLHC TTXH	06 Tuệ Tĩnh, Phường Hòa Cường, Đà Nẵng	24/04/2026			Người nội bộ
8.1	Võ Văn Năm			049054012919	08/08/2025	nt					Võ Văn Đạt: cha
8.2	Ngô Thị Cách			048157004559	10/05/2021	nt					Võ Văn Đạt: mẹ
8.3	Văn Đức Hồng			049054012039	16/09/2021	nt					Võ Văn Đạt: cha vợ
8.4	Trần Thị Hạnh			049158012278	16/09/2021	nt					Võ Văn Đạt: mẹ vợ
8.5	Văn Thị Hà			049192016538	06/09/2022	nt	06 Tuệ Tĩnh, Phường Hòa Cường, Đà Nẵng				Võ Văn Đạt: vợ
8.6	Võ Văn Tâm			048220005252	25/9/2024	nt	nt				Võ Văn Đạt: con
8.7	Võ Thị Thanh Bình			048182002429	25/03/2022	nt					Võ Văn Đạt: chị
9	Bùi Hoàng Trường Vĩ		Kế toán trưởng	68082006554	28/06/2021	Cục CS QLHC TTXH	27 Nguyễn Văn Trỗi, Phường Xuân Hương Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng				Bổ nhiệm: lần 1 08/06/2018; lần 2: 27/5/2023
9.1	Bùi Diệp										Bùi Hoàng Trường Vĩ: cha (mất)
9.2	Hoàng Thị Thảo			68155004110	03/07/2023	Cục CS QLHC TTXH	27 Nguyễn Văn Trỗi, Phường Xuân Hương Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng				Bùi Hoàng Trường Vĩ: mẹ
9.3	Bùi Hoàng Vũ			68078006046	26/08/2022	Cục CS QLHC TTXH	nt				Bùi Hoàng Trường Vĩ: anh
9.4	Bùi Hoàng Thoại Vy			68177004609	05/03/2022		15414 35th Ave W Unit 2, Lynnwood, Washington				Bùi Hoàng Trường Vĩ: chị
9.5	Ron Doak						nt				Bùi Hoàng Trường Vĩ: anh rể
10	Nguyễn Phi Hoàng		Người PT quản trị Công ty kiêm Thư ký Công ty	68060002651	28/06/2021	Cục CS QLHC TTXH	141 Phan Bội Châu, Phường Xuân Hương Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng				Người nội bộ
10.1	Nguyễn Thị Thiên Nga			68162002564	28/06/2021	Cục CS QLHC TTXH	nt				Nguyễn Phi Hoàng: vợ
10.2	Nguyễn cần										Nguyễn Phi Hoàng: cha (mất)
10.3	Đồng Thị Chu										Nguyễn Phi Hoàng: mẹ (mất)
10.4	Nguyễn Trọng Vinh										Nguyễn Phi Hoàng: cha vợ (mất)
10.5	Nguyễn Thị Lân										Nguyễn Phi Hoàng: mẹ vợ (mất)
10.6	Nguyễn Thị Ngọc Trâm			6813005119	12/01/2022	Cục CS QLHC TTXH	141 Phan Bội Châu, Phường Xuân Hương Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng				Nguyễn Phi Hoàng: con
10.7	Nguyễn Văn Ân										Nguyễn Phi Hoàng: anh (mất)
10.8	Nguyễn Phi Phụng										Nguyễn Phi Hoàng: anh (mất)

10.9	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt						Đồng Đa, Phường Xuân Hương Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng				Nguyễn Phi Hoàng: chị
10.10	Nguyễn Thị Ánh Hoa			68155003448	19/04/2023	Cục CS QLHC TTXH	KP 8 phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai				Nguyễn Phi Hoàng: chị
10.11	Nguyễn Thị Ánh Hồng			25034016	20/1/2021	CA Lâm Đồng	136 Hà Huy tập, Phường Xuân Hương Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng				Nguyễn Phi Hoàng: em
10.12	Nguyễn Phi Hồ			68064000606	25/04/2021	Cục CS QLHC TTXH	Đường Xuân An, Phường Xuân Hương Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng				Nguyễn Phi Hoàng: em
10.13	Nguyễn Phi Lâm			250209240	19/11/2008	CA Lâm Đồng	Đồng Đa, Phường Xuân Hương Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng				Nguyễn Phi Hoàng: em
10.14	Nguyễn Thị Ánh Hường			68166002264	15/05/2022	Cục CS QLHC TTXH	Tổ 9, Phi Nôm, Xã Hiệp Thạnh, tỉnh Lâm Đồng				Nguyễn Phi Hoàng: em
10.15	Nguyễn Phi Vân			68070000843	27/04/2021	Cục CS QLHC TTXH	136 Hà Huy tập, Phường Xuân Hương Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng				Nguyễn Phi Hoàng: em
10.16	Nguyễn Thị Ánh Hằng						Seattle, Washington City , USA				Nguyễn Phi Hoàng: em
10.17	Nguyễn Trung Hưng			52050004171	01/08/2021	Cục CS QLHC TTXH	KP 8 phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai				Nguyễn Phi Hoàng: anh rể
10.18	Nguyễn Đức Thi						Đồng Đa, Phường Xuân Hương Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng				Nguyễn Phi Hoàng: anh rể
10.19	Nguyễn Văn Phước			46059008870	25/08/2021	Cục CS QLHC TTXH	136 Hà Huy tập, Phường Xuân Hương Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng				Nguyễn Phi Hoàng: em rể
10.20	Trần Đình Phúc			68064003749	28/06/2021	Cục CS QLHC TTXH	Tổ 9, Phi Nôm, Xã Hiệp Thạnh, tỉnh Lâm Đồng				Nguyễn Phi Hoàng: em rể
10.21	Nguyễn Thị Liên Hoa			68169000874	27/04/2021	Cục CS QLHC TTXH	Đường Xuân An, Phường Xuân Hương Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng				Nguyễn Phi Hoàng: em dâu
10.22	Trần Thị Kim			250905035	20/08/2010	CA Lâm Đồng	Đồng Đa, Phường Xuân Hương Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng				Nguyễn Phi Hoàng: em dâu
11	Đỗ Văn Hạ		Thành viên HĐQT	34086012066		Cục CS QLHC TTXH	1/23B Ngõ Đức Kế, phường Tam Thắng, TP HCM	27/05/2023	24/04/2026		Đại hội đồng cổ đông 2026 miễn nhiệm

12	Phạm văn Khoa		thành viên BKS	48075007786	09/05/2021	Cục CS QLHC TTXH	K27/11 Ngô Gia Tự, P. Hải Châu, Đà Nẵng	27/05/2023	24/04/2026		Đại hội đồng cổ đông 2026 miễn nhiệm
----	---------------	--	----------------	-------------	------------	------------------------	--	------------	------------	--	---

NGƯỜI LẬP



Nguyễn Phi Hoàng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LÂM ĐỒNG

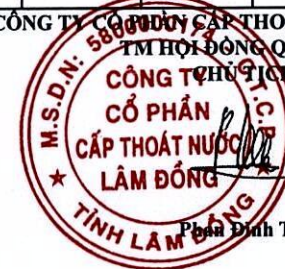
TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CHỦ TỊCH

CỔ PHẦN

CẤP THOÁT NƯỚC

LÂM ĐỒNG



Phạm Đình Tân

